

KINH BÁT KHÔNG QUYỀN SÁCH THẦN BIÊN CHÂN NGÔN
QUYỀN THỨ MƯỜI

Hán dịch: Đại Đường_ Thiên Trúc Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHÍ (Bodhi-ruci: Giác Ái, hay Dharma-ruci: Pháp Ái)
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

PHẦN NỘ VƯƠNG
PHẨM THỨ MƯỜI BỐN

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! **Tôi Thượng Bát Không Phần Nộ Vương Chân Ngôn** này như chư Phật nói, thường tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa bôi thân, mặc quần áo sạch, đủ Lý Trí lớn, khéo y theo **Bản Pháp** liền được thành tựu”

Liền nói **Phần Nộ Vương Chân Ngôn** là:

“**Na ma tát phộc đả tha nga đá lý dã (1) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la (2) bạt nhật la đà lý biểu (3)**

NAMAḤ TATHĀGATAYA ĀRYĀVALOKITEŚVA VAJRA-DHĀREBHYAḤ

Án, chá la chá la (4) chỉ lý chỉ lý (5) chủ lỗ chủ lỗ (6)

OM_ CARA CARA_ CIRI CIRI_ CURU CURU

Ma ha ca lỗ nê ca (7) chỉ lý chỉ lý (8) nhĩ lý nhĩ lý (9)

MAHĀ-KĀRUṆĪKĀYA: CILI CILI_ MILI MILI

Ma ha bát đầu-ma khả tắc đả (10) ca la ca la (11) chỉ lý chỉ lý (12) củ lỗ củ lỗ (13)

MAHĀ-PADMA-HASTA: KALA KALA_ KILI KILI_ KULU KULU

Ma ha tắc tha ma bả la bả đá (14) giả la giả la (15) giả giả la (16) nễ xá chá lệ thấp-phộc la (17)

MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTA: CALA CALA_ SAṂCALA DEŚA-CALEŚVARA

é hứ duệ hứ (18) tất đình-dạ tất đình-dạ (19) bột đình-dạ bột đình-dạ (20) đà phộc đà phộc (21) ký nê ký nê (22)

EHYEHI SIDDHYA SIDDHYA_ BUDHYA BUDHYA_ DHAVA DHAVĀN_ KIṆI KIṆI

bá la ma thuật đà tát đoả (23) ca la ca la (24) chỉ lý chỉ lý (25) củ lỗ củ lỗ (26)

PARAMA-SÚDDHA-SATVA: KARA KARA_ KIRI KIRI_ KURU KURU

Ma ha bát du bát đễ, bễ sái đà la (27) khả khả, hứ hứ, hồ hồ (28)

MAHĀ-PAŚUPATI-VEŚA-DHARA_ HĀHĀ HĪHĪ HŪHŪ

Án, ca la (29) một-la khả ma, bễ sái đà la (30) sai la sai la (31) phộc la phộc la (32)

OM_ KARA BRAHMA VEŚA-DHARA_ SARA SARA_ VARA VARA

lạt thấp-nhĩ xá đả sai khả tắc-la (33) bả-la đễ mạn nê đả, xá lý la (34) nhập phộc la, nhập phộc la (35) đáp bá đáp bá (36)

RAŚMI-ŚATA-SAHASRA-PRATIMANḌITA-ŚARĪRA: JVALA JVALA_ TAPA TAPA

bạc già bạn (37) tổ ma ninh đình-dã (38) dã ma, bà lỗ noa, củ phế la (39) một-la khả mê nại-la (40) lý sử nữ phộc nga noa (41) tệt chỉ đả chá la noa (42) tổ lỗ tổ lỗ (43) mẫu lỗ mẫu lỗ (44)

BHAGAVAM SOMA ĀDITYA YAMA VARUṆA KUBERA BRAHMA
INDRA RṢĪ-DEVA-GAṆA ARCITA-CARAṆA SURU SURU MURU MURU

tán nại củ ma la (45) một nại-la, phộc sai phộc (46) đà nẵng na (47) nữ bà lý sử, na dã ca (48) phộc hồ nhĩ nhĩ đà (49) phế sái đà la (50) đà la đà la (51)

SANAT-KUMĀRA RUDRA VĀSAVA-DHANADA DEVA-RṢĪ NĀYAKA
BAHU-VIVIDHA VEŚA-DHARA DHARA DHARA

sai mạn đả bà lộ chỉ đả (52) nhĩ lộ chỉ đả, lộ kế thấp-phộc la (53) ma ê thấp-phộc la (54) mẫu gia mẫu gia (55) muộn già muộn già (56)

SAMANTĀVALOKITA VILOKITA LOKEŚVARA MAHEŚVARA MUYA
MUYA MUMCA MUMCA

phộc đà, mạn đà na (57) đả noa na la nhạ, đả tắc ca la (58) cận nữ dữu na ca (59) nhĩ sái xả, tắc đát-la (60) bá lý mộ giả ca (61) ca noa ca nã (62)

VADHA BHANDHANA TĀḌANA-RĀJA TASKARA AGNI UDAKA
VIŚĀYA ŚASTRA PARIMOCAKA KAṆA KAṆA,

phộc la bộc trượng nga (63) chiết đồ la lý dã (64) tát đình-dã, tam bả-la ca xả ca, (65) đả ma đả ma (66) sai ma sai ma (67) ma sai ma sai (68)

BALA-BODHYAṆGA, CATUR-ĀRYA-SATYA SAMPRAKĀŚAKA DAMA
DAMA SAMA SAMA MASA MASA

ma ha bật điện đà ca la (69) bả-la xá ma nẵng (70) nhĩ lý nhĩ lý (71)

MAHĀ-TAMONDHAKĀRA PRAŚAMANA MILI MILI

ế nê-gia, chiết ma bá lý ca la (72) ế hứ duệ hứ (73) ma tra ma tra (74)

ENEYA CARMA PARIKARA EHYEHĪ MAṬA MAṬA

nhĩ du đà, nhĩ sái dã, bà tân (75) ma ha ca lỗ nê ca (76) thấp phế đả, duệ thận nhiều bá nhĩ đả (77) lạt đát na, ma củ đà ma la đà la (78) tát phộc thận nhạ, thủy la tử (79) cật-lý đả, ca la bổ tra (80) đình-cận na, sai ma địa (81) nhị mục cật-sái, bả-la kiếm tinh-dã (82) sát bá la mật đả (83) bá-lý bổ la ca (84) phộc hồ tát đỏa tán đát đê (85) bá-lý bá giả ca (86) tát phộc ma la nễ nột sắt-tra (87) bả-la muội na ca (88) tát phộc tát đình-dạ xa (89) bá lý bổ la ca (90) y tỳ sản giả (91) tát phộc đả tha nga đá, tỳ sái giai (92)

VIŚUDDHA-VIŚAYA-VĀSIN MAHĀ-KĀRUṆIKA ŚVETA-YAJÑOPAVITA
RATNA-MAKUṬA-MĀLĀDHARA, SARVA-JÑA-SĪRASI KṚTA, KARA-PUṬA
DHYĀNA-SAMĀDHI-VIMOKṢAM APRAKAMPYA ŚAṬ-PĀRAMITĀ
PARIPŪRAKA BAHU-SATVA SANTATI-PARIVĀRAKA ŚARVA-MARAṆE
DUṢṬA PARIMOCAKA, SARVA-SIDDHYĀŚĀPARIPŪRAKA ABHISAMCA
SARVA-TATHĀGATA-VIŚAYAI

bạc già bạn (93) y mộ già la nhạ (94) hồng phất (95) na mô tốt đồ đê (96) toa-phộc ha (97)

BHAGAVĀN AMOGHA-RĀJA NAMO STUTE SVĀHĀ

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nói Chân Ngôn này xong, chấp tay cung kính, dùng Kệ bạch Phật là:

“**Bất Không Thắng Minh Vương**

Bất Không Phán Nộ Vương

Nhóm Pháp như nước sạch

Rửa sạch các trần lao

Cũng như **Kim Cương Bạc** (mưa đá Kim Cương)

Xé nát núi thiên não

Đại Chân Thật Thừa này

Rốt ráo chẳng hư vọng

Đều cùng thành các Pháp

Mà được **Vô Sở Úy**

_ Nếu đã đọc, thọ trì

Nên chặt niệm nghi ngờ

Tâm Đại Bi làm đầu

Thanh tịnh giữ **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā)

Vô lượng thời, năm tu

Thường một Tâm thanh tịnh

Chẳng tùy dính mọi Tướng

Chẳng nghi là **Vô Vi**

Như nhóm **Diệu Nhân** này

Liên chứng **Bất Không Địa**

Trong đây, tất cả Pháp

Trên dưới đều diễn nói

Tu làm **Đại Trí Tạng**

Ruộng Thắng trong Công Đức

Hiện được không phân dư

Sẽ được **Niết Bàn Môn**

Trong đây, **Nghi Súc Pháp**

Các **Bộ** (Kula) phân biệt nói

_ **Thỉnh Quán Thế Âm Chân Ngôn:**

“Na mô la dát-na dát-la gia dã (1) na mạc y lợi-gia (2) nhĩ đả bà dã (3) đả tha nga dá dã (4) na mạc y lợi gia (5) phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (6) bồ địa tát đoả dã (7) ma ha tát đoả dã (8) ma ha ca lỗ nê ca dã (9) y mộ già phộc la na (10) bá xả khả tắc đả dã (11) ma ha thuật đà tát đoả dã (12) y nghiệt xả, bạc già bạn (13) bát đầu-ma khả tắc đá (14) phộc la na ca lãng ngu lý (15) bát đầu-ma bộ nê (16) ma ha bát du bát đễ, phế sái đà la (17) bả-la tỉ na (18) thủy khát-la ma nghiệt xả (19) ma ha phế nga nhĩ bộ sử đả (20) lạt thấp-nhĩ sai khả tắc la (21) y mộ già tất đệ (22) sai la sai la (23) giả la giả la (24) y nghiệt xả, y nghiệt xả (25) bạc già bạn (26) y phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la (27) ma ma, kiện đà, bồ sáp bả (28) sa ma nhã diên, bả-la đễ xả (29) trất-la lạt dát-na (30) tát đễ-duệ na (31) y mộ già tất đệ (32) toa-phộc ha (33)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA- AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

AMOGHA VARADA PAŚA-HASTĀYA MAHA-SUDDHA-SATVĀYA
AGACCHA BHAGAVAM PADMA-HASTA VARADA KĀLAÑJARE PADMA-
PUṆYE MAHĀ-PAŚUPATI VEŚADHARA PRABHINNA ŚĪGHRAM
AGCCHA MAHĀ-VEGA VIBHŪṢITA RAŚMI-SAHASRA AMOGHA
SIDDHI SARA SARA CALA CALA AGACCHA AGACCHA BHAGAVAM
AVALOKITEŚVARA MAMA GANDHA PUŚPA SAMĀJAYAM PRATĪCCHA
TRI-RATNA-SATYENA AMOGHA SIDDHI SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào Hương Vương thiêu đốt, dùng **biển mây hương đốt của Bất Không Vương** cúng dường, khải triệu **Y Mộ Già Vương Quán Thế Âm**. Khải triệu tất cả chư Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát, Chúng Tộc Mạn Noa La Thần, tất cả Thiên Thần

Đồ Hương Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) tát phộc kiện đà địa bá tử đả (7) y mộ già bộ nhạ, phộc la na dã (8) tát phộc kiện đà ma xà (9) nhĩ bộ sử đả tát-lợi duệ (10) chiến nại-la át đà (11) thủy la tử tát-lợi duệ (12) kiện đà kiện đà (13) noa lệ bát nĩ (14) sai ma ma (15) bả-la để xả (16) phộc la phộc la (17) phộc la na gia (18) toa-phộc ha (19)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

SARVA-GANDHA DĪPAŚYA AMOGHA-BHŪJA VARADĀYA SARVA-GANDHA-MAJJĀ VIBHŪṢITA-ŚRĪYE CANDRA-ARTHA ŚIRASĪ ŚRĪYE GANDHA GANDHA ANALE-PĀṆI SAḤ MAMA PRATĪCCHA VARA VARA VARADĀYA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hương xoa bôi (đồ hương), dùng biển mây hương xoa bôi của Bất Không Vương, khắp đều cúng dường xoa bôi Mạn Noa La

Hiển Hoa Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mộ y lợi-gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ địa tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất ninh-dã tha (7) hứ lý hứ lý (8) nhĩ lý nhĩ lý (9) ma ha bát-la bà (10) toa-phộc la nhĩ ma lệ (11) một-la khả ma, bễ sái đà la (12) sách mặng để phộc la nĩ (13) đồ lỗ đồ lỗ (14) nhĩ chỉ đất la, bồ sấp bả, ma xà (15) nhĩ bộ sử đế (16) khả la khả la (17) ma la ma la (18) đồ lỗ đồ lỗ (19) y mộ già hột-lợi na dã (20) bả-la mộ ẩm củ lỗ (21) bả-la để xả (22) ma ma, bồ sấp bả, phộc lệ (23) toa-phộc ha (24)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: HILI HILI MILI MILI MAHA-PRABHĀSVARA VIMALE BRAHMA VEŚADHARA SAMANTE VARADE DHURU DHURU VICITRA-PUṢPA-MAJJĀ VIBHŪṢITE HĀRA HĀRĀ MĀLĀ MĀLĀ TURU TURU AMOGHA-HRDAYA PRAMOKṢAṀ KURU PRATĪCCHA MAMA PUṢPA VARE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hương hoa, dùng biển mây hương hoa của Bất Không Vương, khắp đều cúng dường **Y Mộ Già Vương Quán Thế Âm**, tất cả chư Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát, Chúng Tộc Mạn Noa La Thần, tất cả Thiên Thần

Cảnh Giới Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) ma ha bồ địa tát đỏa, bà la nê (7) tắc ma la, tắc ma la (8) bạc già bạn sa ma diệm (9) tát phộc đả tha nga đá (10) tam ma thấp-phược tử đề (11) bạc già bạn (12) y phộc lộ ca dã (13) tát phộc tát đỏa bà lộ ca nễ (14) y mộ già phộc đế (15) bá xá khả tắc đề

(16) tất đệ tất đệ (17) tất đà một-la đề (18) bột đà đạt ma (19) tất để-duệ na (20) bộ lỗ bộ lỗ (21) tất đình-dã, tam ma diệm (22) bá la dã (23) toa-phộc ha (24)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

MAHĀ-BODHI-SATVA VARADE SMARA SMARA BHAGAVAM-SAMAYAM SARVA-TATHĀGATA-SĀMA ŚVASITE BHAGAVĀM AVALOKĀYA SARVA-SATVA AVALOKANE AMOGHĀ-VATI PĀSA-HASTE SIDDHE SIDDHE SIDDHA AMṚTE BUDDHA DHARMA SATYENA BHŪRU BHŪRU SĀDHYA SAMAYAM PĀLAYA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này, người gia trì Chân Ngôn thì **Nhất Thiết Bất Không Như Lai Pháp Tính Tam Ma Địa** khi ngũ sau thì Quán Thế Âm nhiếp thọ, nghĩ nhớ cảnh giới

Tịnh Thục Chân Ngôn:

“Na mô la dát-na dát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ để thấp-phộc la dã (3) bồ đề tất đỏa dã (4) ma ha tất đỏa dã (5) ma ha ca lỗ nê ca dã (6) dát ninh-dã tha (7) độ lợi độ lợi (8) bạt nhật la đà la (9) bát-dầu ma nhạ phế (10) nhĩ nga đá phộc la (11) phế nga phế nga (12) độ trụ độ trụ (13) tất phộc nhĩ nhạ tất-lợi duệ (14) bột đà đạt ma (15) tăng khả tất để-duệ na (16) nhĩ lợi nhĩ lợi (17) toa-phộc ha (18)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: DHURI DHURI VAJRA-DHĀRA PADMA-JAVE VIGATA VARA VEGA VEGA DHUṬU DHUṬU SARVA-JĪVA ŚRĪYE BUDDHA DHARMA SAṂGHA SATYENA MILI MILI SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào món ăn, làm món ăn ngon ngọt vi diệu của Bất Không Vương, khắp đều cúng dường tất cả chư Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát, Chúng Tộc Đàn Thần, tất cả Thiên Thần

Đăng Minh Chân Ngôn:

“Na mô la dát-na dát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ để thấp-phộc la dã (3) bồ đề tất đỏa dã (4) ma ha tất đỏa dã (5) ma ha ca lỗ nê ca dã (6) y bả-la để khả đá (7) đả tha nga đá (8) thận-nhạ na ca dã (9) bạc già bạn (10) y khả la, y khả la (11) bát dầu-ma sa na (12) bát dầu-ma bộ nê (13) thấp-phế đương nghe (14) thấp phế đả bộ nê (15) thấp-phế đả ma la (16) nhĩ bộ sử đề (17) độ ma độ ma (18) nhập-phuộc la dã (19) bột đà đạt ma (20) tăng khả tất để-duệ na (21) toa-phộc ha (22)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

APRATIHATA TATHĀGATA-YAJÑĀ-KĀYA BHAGAVAM ĀHARA ĀHARA PADMĀSANA PADMA-PUNYE ŚVETĀNGE ŚVETA-PUNYE ŚVETA-MĀLĀ VIBHŪṢITE DHŪMA DHŪMA JVALĀYA BUDDHA DHARMA SAṂGHA SATYENA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào đèn sáng (đăng minh), dùng mây biển ánh sáng đèn của Bất Không Vương khắp đều cúng dường, được thân ánh sáng

_Hương Thủy Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất ninh-dã tha (7) Án (8) nhĩ la nhĩ la (9) bát đầu-ma bá nê (10) y nga ma nga ma (11) y mô già đất đỏa tất đệ (12) tát phộc đá tha nga đá (13) già nga năng, lạt thấp-nhĩ (14) tán chú nễ đế (15) tát phộc bát đình-dạ đà la, nhĩ du đạt nĩ (16) y mô già nhập-phộc la, tất đệ (17) toa-phộc ha (18)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

TADYATHĀ: OM VĪRA VĪRA PADMA-PĀṆI AGAMAGAMA AMOGHA-TATTVA SIDDHI SARVA-TATHĀGATA GAGANA RAŚMI SAṂSUDĪTI SARVA-VIDYĀ-DHĀRA VIŚODHANE AMOGHA-JVALA SIDDHI SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào nước hương, dùng mây biển nước hương của Bất Không Vương khắp đều cúng dường

_Tịnh Thủy Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất ninh-dã tha (7) độ mê độ mê (8) độ độ mê (9) bát đầu-ma bát đầu-ma (10) ninh bà sai thuật đệ (11) thuật đà kiến giả na (12) bả-la bà sai nhĩ ma lê (13) thuật đà na khát lệ (14) du chỉ du chỉ (15) du chỉ ngu giả lệ thuật đệ (16) bát đầu-ma nga phộc đế (17) bả-la phộc la nê (18) toa-phộc ha (19)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

TADYATHĀ: DHUME DHUME DHUDHUME PADMA PADMA NIRVAŚA SIDDHE ŚUDDHA KAÑCANA-PRABHĀŚA VIMALE ŚODHANA-KARE ŚUCI ŚUCI ŚUCI KUCAILE ŚUDDHE PADMĀNGA-VATI PRAVARADE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào quần áo, dùng quần áo màu nhiệm thuộc cõi Trời của Bất Không Vương trang sức tu trì, sẽ được các quần áo báu màu nhiệm của cõi Trời

_Tọa Ngọa Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất ninh-dã tha (7) xá mẽ xá ma dã (8) phiến đế mẽ (9) toa-phộc tất địa dã nam, củ lỗ (10) phiến đồ tử mẽ (11) tát phộc bá bát (12) phiến kim thuật đàm (13) kiến xà lâm nhĩ la nê (14) phiến đế nhị nhạ duệ (15) nhạ dã tất đệ (16) bạc già bà (17) na lý gia (18) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la (19) sa la, sa la, sa la (20) toa-phộc ha (21)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

TADYATHĀ: ŚAME ŚAMĀYA ŚĀNTI ME SVASIDDHYĀNĀM KURU ŚĀNTO SĪME SARVA-PĀPA SAÑKIM ŚUDDHAM GAÑJĀNĀM VĪRANE

ŚĀNTI VIJAYE_ JAYA_ SIDDHE_ BHAGAVĀN_ ĀRYĀVALOKITEŚVARA_ SĀRA SĀRA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào giường, chiếu... dùng giường, chiếu của Bất Không Vương... ngồi nằm tu hành thường không có: mộng ác, tướng ác, não chướng

Tẩy Dục Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đát ninh-dã tha (7) na nga bát-la (8) phộc lật sái nê (9) ninh-lập danh nhạ lộ (10) nhạ la phộc hề (11) nhạ la tăng khuất số bà diệm (12) na nga nhã la tăng du ninh (13) bát đầu-ma sa nê (14) bát đầu-ma nhĩ thuật đệ (15) bá nê nhạ lệ (16) tăng du đà dã (17) y đát mạn (18) đà la đà la (19) sa lý lệ (20) toa phộc ha (21)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA_ BODHI-SATVĀYA_ MAHĀ-SATVĀYA_ MAHĀ-KĀRṆIKĀYA

TADYATHĀ: NĀGA_ PRAVARṢAṆE_ NIRJĀN_ JALO_ JALA_ VAHI_ JALA_ SAṀ-KṢOBHAYĀM_ NĀGA-JALA_ SAṀSŪNE_ PADMĀSANE_ PADMA_ VIŚUDDHE_ PĀṆR-JALE_ SAṀSODHAYA_ ĀTMAN_ DHARA_ DHARA_ SARIRE_ SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào nước nóng thơm... dùng nước Tam Muội Gia của Bất Không Vương... hiến, tưới rót, tắm rửa, tưới vẩy quần áo thì trong ngoài thanh tịnh

Hiển Thực Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) tát phộc tát đỏa hứ đặng ca la dã (7) y mộ già phộc la, bả-la na dã (8) tát phộc tát đỏa mạn na (9) bá năng bả-la na dã (10) nỉ ma na nga na dụ (11) bộc nhĩ dã (12) nhĩ nhĩ đà (13) la tán na, bả-la na dã (14) sa ca la bộ phộc nỉ (15) bộ phộc na, nhĩ du đà nễ (16) tán đát bá dã (17) bả-la phộc la, nhĩ thuật đệ (18) toa-phộc ha (19)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA_ BODHI-SATVĀYA_ MAHĀ-SATVĀYA_ MAHĀ-KĀRṆIKĀYA

SARVA-SATVA_ HITAM_ KARĀYA_ AMOGHA-VARA_ PRANĀYA_ SARVA-SATVA-MĀṆA_ PĀNA_ PRANĀYA_ NIMĀ-NĀGA-NĀSO_ PŪJIYA_ VIVIDHASASANA_ PRANĀYA_ SĀKĀRA-BHUVANE_ BHUVANA_ VIŚODHANE_ ŚĀNTĀPĀYA_ PRAVARA_ VIŚUDDHE_ SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào tất cả thức ăn uống, hoa, quả... dùng mây biển mọi loại món ăn ngon ngọt, hoa, quả của Bất Không Vương... khắp đều cúng dường

Quả Nguyện Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) tát phộc nỉ phộc, tổ la (7) na ma tắc cật-lý đê (8) tam ma tam ma (9) nỗ bả-la bố la nê (10) tam ma kiện đà phộc bà tỉ đê (11) già nga na, nhĩ thuật đệ (12) mục đế bả-la bệ (13) nhạ duệ, nhĩ nhạ duệ (14) ca dã ninh ma xà bá na dã nễ (15) bồ sáp bả, ma xà (16) kiến đà, nhĩ du đà nễ (17) du đà dã (18) tát phộc đả tha nga đá, thuật đệ (19) bát đầu-ma, nhĩ du đà nễ (20) toa-phộc ha (21)”

***)NAMO RATNA-TRAYĀYA**
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA
SARVA-DEVA-SURA NAMASKRTE SAMĀSAMA ANU-PRAPŪRṆE_
SAMA GANDHARVA VAŚITE GAGANĀ VIŚUDDHE MUKTE PRĀBHE_
JAYE VIJAYE KĀYA-NIMĀ SAPAṆA YĀNE PUṢPA MAJJĀ GANDHA
VIŚODHANE ŚODHAYA SARVA-TATHĀGĀTA ŚUDDHE PADMA
VIŚODHANE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào tất cả vật cúng bên trong Đàn, phụng hiến **Nhất Thiết Bất Không Vương Chư Pháp Tự Tính Hải Vân Tam Ma Địa**, như Pháp thu thập

_Quyển Sách Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia đã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la đã (3) bồ đề tát đỏa đã (4) ma ha tát đỏa đã (5) ma ha ca lô nê ca đã (6) đát ninh-dã tha (7) đà la nhân đà lệ (8) đà la bạn đệ (9) mãn đà mãn đà (10) thúc cật-la, nhĩ du đà nễ (11) thúc cật-la ma lãng nghĩ ni (12) thúc cật-la, nhĩ du đà ninh (13) thuật đà, nhĩ ma lệ (14) toa-phộc ha (15)”

***)NAMO RATNA-TRAYĀYA**
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA
TADYATHĀ: DHARA INDRE DHARA BANDHE BANDHA BANDHA_
ŚUKRA VIŚODHANE ŚUKRA MALĀṀGINI ŚUKRA VIŚODHANE_
ŚUDDHA VIMALE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào sợi dây do Đồng Nữ se hợp, kết 21 gút, cột giữ Hộ Thân thì điềm mộng chẳng bị Tà Ma gây loạn

_Tịch Ma Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia đã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la đã (3) bồ đề tát đỏa đã (4) ma ha tát đỏa đã (5) ma ha ca lô nê ca đã (6) đát ninh-dã tha (7) nhập phộc lệ, nhập phộc lệ (8) nhĩ ma lộ, nhập phộc lệ (9) bả-la bà sa (10) nhĩ la nê (11) tổ lợi đã phộc đế (12) nhạ gia, bát đầu-ma la đà lệ (13) toa-phộc ha (14)”

***)NAMO RATNA-TRAYĀYA**
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA
TADYATHĀ: JVALE JVALE VIMALO JVALE PRABHĀṢA VĪRANE_
SŪRYA-VATI JAYA PADMA-DHĀRE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào tro sạch, ở nơi làm Pháp rải trì kết Giới, liền sẽ chẳng bị Tỳ Na Dạ Ca, các Quỷ Thần ác gây nhiễu loạn

_Thanh Khiết Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia đã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la đã (3) bồ đề tát đỏa đã (4) ma ha tát đỏa đã (5) ma ha ca lô nê ca đã (6) đát ninh-dã tha (7) nhạ lê nhạ lê (8) nhạ la phộc đế (9) nhạ la bả-la bà phộc ninh (10) na nga tác la nhĩ nê (11) ninh-lập danh bà lý nê (12) nhĩ lý nhĩ lý (13) toa-phộc ha (14)”

***)NAMO RATNA-TRAYĀYA**

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

TADYATHĀ: JALE JALE JALA-VATI JALA PRABHĀVANE NĀGĀ NIRJĀN SARA JINE VĀRI-DHĪ MILI MILI SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào nước sạch, rửa tay lau mặt, miệng tụng niệm, tán vịnh thì Quán Thế Âm vui vẻ quán nhìn

Cát Tường Thảo Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất ninh-dã tha (7) lý nê, ma ha lý nê (8) băng nga la, băng nga lý (9) hứ lý hứ lý (10) bạc già phộc đế (11) giả la, bả-la giả la (12) bả-la đế (13) đế sắt sá, hàm (14) lạc khất sái, lạc khất sái (15) ma ma, bột đà đạt ma tăng khả (16) tát đế-duệ năng (17) toa-phộc ha (18)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

TADYATHĀ: RĪṆE MAHĀ-RĪṆE PIṄGALA PIṄGALE HILI HILI BHAGAVATI CALA PRACALA PRATI TIṢṬA MĀM RAKṢA RAKṢA MAMA BUDDHA DHARMA SAMGHA SATYENA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào cổ tranh rồi trải tòa ngồi mà ngồi thì sẽ được ngồi tòa Bồ Đề Kim Cương của Bất Không Vương

Sứ Giả Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc tát phộc mạn noa la (2) nễ phộc tử nam (3) nỉ phộc nam (4) na mô bật đình-dạ nỉ phộc nam (5) tát phộc ca cấp bá tát đà nam (6) na mạc y lợi gia (7) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (8) bồ địa tát đỏa dã (9) ma ha tát đỏa dã (10) ma ha ca lô nê ca dã (11) ế hứ, bạc già phộc đế (12) bát đầu-ma tôn na lý (13) ma ha bật đình-dạ nỉ phộc đế (14) giả la giả la (15) bát đầu-ma tôn na lý (16) mẽ nga phược đế (17) hổ lô hổ lô (18) toa-phộc ha (19)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SARVA-MANḌALA-DEVASENĀM DEVĀNĀM
NAMO VIDYĀ-DEVĀNĀM SARVA-KACCHA-PA SIDDHĀNĀM
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

EHI BHAGAVATI PADMA-SUDARĪ MAHĀ-VIDYĀ-DEVATĪ CALA CALA PADMA-SUNDARĪ MEGHA-VATI HURU HURU SVĀVĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hương xoa bôi, bột hương, hương đốt, hoa, quả, thức ăn uống... cúng dường **Liên Hoa Tôn Na Lý Thần** (Padma-sudarī), **Nhất Kế La Sát Nữ Sứ Giả, Độ Đế Sứ Giả**... thỉnh nguyện gia hộ, liền không có tất cả chương ác gây phiền nhiễu

Thị Giả Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc củ lô đà la nhạ dã (2) na mạc y lợi gia (3) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (4) bồ đề tát đỏa dã (5) ma ha tát đỏa dã (6) ma ha ca lô nê ca dã (7) na mạc tát phộc bật đình-dạ (8) củ la băng xá dã (9) đất ninh-dã tha (10) Án (11) y mộ già hột-ly na dã (12) bả-la bà nhĩ ninh (13) tát phộc nhĩ khất na bả-la xá ma nễ (14) y khả la, tăng khả la (15) bát đầu-ma bỉ chủ (16)

bá nhĩ sắt nê (17) ma nê ca na ca (18) nhĩ bộ sử đa (19) ca ma la bộ nê (20) đả la đả la (21) đá la dã bá lâm (22) y mộ già hột-ly na dã (23) nhạ duệ trát-ly nãi trát-ly (24) bà la na bộ nê (25) tắc ma la, tắc ma la (26) bạc già mạn (27) tát phộc đả tha nga đá (28) tam ma diệm (29) bà la bà la (30) bộ lỗ bộ lỗ (31) một-la khả ma, bệ sái đà la (32) nhĩ bộ sử đa đá nễ (33) ma ha bà dã, khả lệ (34) y lộ ca dã, nhĩ lộ ca dã (35) tát phộc tát đỏa bà lộ ca nễ (36) phộc la phộc la (37) phộc la nĩ (38) toa-phộc ha (39)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ KRODHA-RĀJĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA
NAMAḤ SARVA-VIDYĀ-KULA-PAÑCĀYA
TADYATHĀ: OM_ AMOGHA-HRDAYA PRABHĀ JINE_ SARVA-VIGHNA
PRAŚAMANE_ ĀHARA SAMHARA_ PADMA-VEŚA BHAVIṢṢU_ MAṆI
KANAKA VIBHŪṢITA_ KAMALA-PUNYE_ DHARA DHARA DHARĀYA
PRAM_ AMOGHA-HRDAYA JAYE TRI-NETRE_ VARADA- PUNYE_ SMARA
SMARA_ BHAGAVAM_ SARVA-TATHĀGATA-SAMAYAM_ BHARA_ BHARA_
BHURU_ BHURU_ BRAHMA VEŚADHARA VIBHŪṢITA-TANU_ MAHĀ-
BHAYA HARE_ ALOKĀYA VILOKĀYA SARVA-SATVĀLOKANĒ_ VARA
VARA_ VARADE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào tro sạch. **Thị Giã** chắm, đeo liền thành ủng hộ

_Nội Giới Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lỗ nê ca dã (6) đát ninh-dã tha (7) bá la bá la (8) ma la ma la (9) mãn đà mãn đà (10) tam mạn đế na (11) y mộ già bá xá khả tắc đê (12) đế sắt sá, đế sắt sá (13) bột đà đạt ma tăng khả (14) tát đê-duệ năng (15) toa-phộc ha (16)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA
TADYATHĀ: BHARA_ BHARA_ MĀRA_ MĀRA_ BANDHA_ BANDHA
SAMANTENA_ AMOGHA-PĀŚA-HASTE_ _ TIṢṢṬA_ TIṢṢṬA_ BUDDHA
DHARMA SAMGHA SATYENA SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hạt cải trắng, tro... kết trì **Nội Giới**, sau đó kết **Án Giới** liền thành kết **Nội Kim Cương Pháp Giới**

_Ngoại Giới Chân Ngôn:

“Na mô la đát-na đát-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lỗ nê ca dã (6) đát ninh-dã tha (7) nễ xá mãn đà nễ (8) nễ xá nhĩ nễ xá mãn đà nễ (9) y mộ kì y bá-la đê khả đê (10) mẫu lỗ mẫu lỗ (11) tổ lỗ tổ lỗ (12) đổ lỗ đổ lỗ (13) tát phộc nhĩ khát na (14) nhĩ na xá nễ (15) bát đầu-ma (16) sa la nhĩ bộ sử đê (17) bột đà đạt ma tăng khả (18) tát đê-duệ năng (19) mãn đà y nhĩ đả, bà la nê (20) toa-phộc ha (21)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: DEŚA-BANDHANE DEŚA VIDEŚA BANDHANE
AMOGHE APRATIHAṬE MURU MURU SURU SURU DHURU DHURU
SARVA-VIGHNA VINĀŚANE PADMA SARA VIBHŪṢITE BUDDHA
DHARMA SAṂGHA SATYENĀ BANDHA AJITA VARADE SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hạt cải trắng, tro... kết thí **Ngoại Giới**, sau đó kết **Án Giới** liền thành kết **Ngoại Viện Kim Cương Tường Giới**

Tán Hội Chân Ngôn:

“Na mô la đất-na đất-la gia dã (1) na mạc y lợi gia (2) bà lộ chỉ đế thấp-phộc
la dã (3) bồ đề tát đỏa dã (4) ma ha tát đỏa dã (5) ma ha ca lô nê ca dã (6) đất
ninh-dã tha (7) hứ lý hứ lý (8) nhĩ lý nhĩ lý (9) tử lý tử lý (10) bỉ lý bỉ lý (11) phộc la
phộc la (12) bả-la phộc la (13) nhĩ ma năng đà la (14) na la na la (15) nga xả nga
xả (16) bồ già bạng (17) y lợi gia (18) bà lộ chỉ đế thấp-phộc la (19) toa phộc bà
phộc nam (20) đồ lỗ đồ lỗ (21) y mộ già bát đầu-mê (22) toa-phộc ha (23)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: HILI HILI MILI MILI PIRI PIRI VIRI VIRI VARA
VARA PRAVARA VIMANA-DHĀRA DARA DARA GACCHA GACCHA
BHAGAVAM ĀRYĀVALOKITEŚVARĀ SVABHĀVĀNĀM DHURU DHURU
AMOGHA-PADME SVĀHĀ

Chân Ngôn Pháp này gia trì vào hương hoa... rải bày bên trong Đàn, nâng giữ Át
Già phụng hiến, khen ngợi, khải bạch, lễ tiễn đưa tất cả Hiền Thánh giải tán, quay về
cung của mình

KINH BÁT KHÔNG QUYỂN SÁCH THẦN BIÊN CHÂN NGÔN
QUYỂN THỨ MƯỜI (Hết)